

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
V/v : “Ly hôn và tranh chấp việc
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy;

2. Ông Đào Xuân Tím.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành - tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/7/2019 về việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34 ngày 06/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36 ngày 03/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40 ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1976.

Quê quán: Xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Số 77, đường P, thôn Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Chử Lê N, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Số 77, đường P, thôn Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Dương Thị D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Chử Lê N từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Do vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh N thường xuyên rượu say, đánh chửi chị thậm tệ, thậm chí có những lần đánh chị phải nhập viện điều trị. Chị đã phải sống ly thân anh N từ khoảng ba, bốn tháng nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Chử Lê P, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Chử Lê Anh T, sinh ngày 02/12/2006, cháu T đã và hiện đang ở cùng chị 4 năm nay. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 6 – 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng chị không vay nợ gì của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh N trình bày:

Anh kết hôn với chị D từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do anh không tỉnh táo khi say rượu nên có đánh chị D, có lần đánh chị D phải nhập viện điều trị. Chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ khoảng giữa tháng 6/2019 đến nay. Vợ chồng anh có lúc không hòa thuận nhưng anh muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị D trình bày. Nếu chị D cương quyết ly hôn thì cháu T ở với ai anh cũng đồng ý và người trực tiếp nuôi cháu T tự nuôi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị D xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh N; chị xác định vợ chồng có hai con chung là Chử Lê P, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Chử Lê Anh T, sinh ngày 02/12/2006. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh N vắng mặt và không có ý kiến gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị D được ly hôn anh N.
 - Về con chung: Giao cháu Chử Lê Anh T cho chị D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.
 - Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Dương Thị D và anh Chử Lê N kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra xung đột, bất hòa, anh N thường có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị D thậm tệ nhiều lần. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nay chị D xin được ly hôn anh N, anh N không đồng ý ly hôn chị D. Việc anh N không đồng ý ly hôn không phải do anh còn yêu thương chị D mà anh muốn gây khó khăn cho chị D trong cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh N thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; bản thân anh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh có đánh chị D, thậm chí anh đánh chị D phải nhập viện điều trị, cuộc sống chung không có hạnh phúc, do đó áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh N là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng chị D và anh N có hai con chung là Chử Lê P, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Chử Lê Anh T, sinh ngày 02/12/2006, cháu T đã và hiện đang ở cùng chị 4 năm nay. Chị D xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, cháu T cũng có lời khai xin được ở cùng chị D, anh N chấp nhận nếu cháu T xin ở cùng ai thì anh cũng đồng ý.

Xét nên giao cháu T cho chị D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của cả anh N và chị D cũng như bảo đảm việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của cháu T, phù hợp với ý nguyện của cháu T là muốn được ở cùng chị D, phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ vợ chồng:

Xử cho chị Dương Thị D được ly hôn anh Chử Lê N.

2/ Về con chung: Chị D và anh N có hai con chung là Chử Lê P, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và cháu Chử Lê Anh T, sinh ngày 02/12/2006.

Giao cháu Chử Lê Anh T cho chị D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2017/0004020, ngày 18/7/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh N. Báo cho chị D biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh N, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND thị trấn P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung